CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2025

CTCP Quốc tế Phương Anh

Ngày 31/12/2025	3,000 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-9.1%	-	0%

DT thuần
Q4/25
453
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 95.0| 26.6%
YoY: ▲ 198| 77.7%

LN thuần
Q4/25
15.7
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 16.2| 3180%
YoY: ▲ 13.9| 763%

LN sau thuế
Q4/25
12.7
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 13.8| 1240%
YoY: ▲ 3.13| 32.2%

Tỷ suất lãi EBIT
2025
3.1%
YoY: +/-▲ 1.4%

ROE
2025
3.7%
YoY: +/-▲ 2.6%

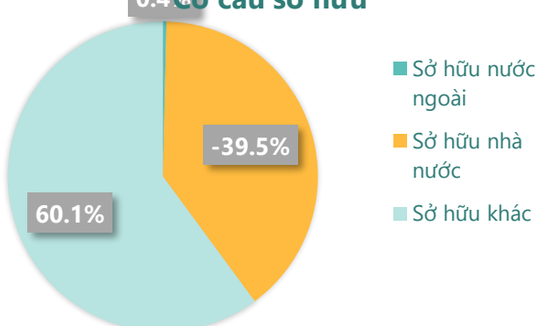
Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	2,300 - 4,700
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	84
Số lượng CPLH (CP)	28,049,968
KLGD BQ 20 phiên (CP)	44,845
Sở hữu nước ngoài	1.8%
Beta	1.51
EPS	582
P/E	5.2

DT thuần
2025
1,658
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 590| 55.2%

LN thuần
2025
20.1
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 11.5| 133%

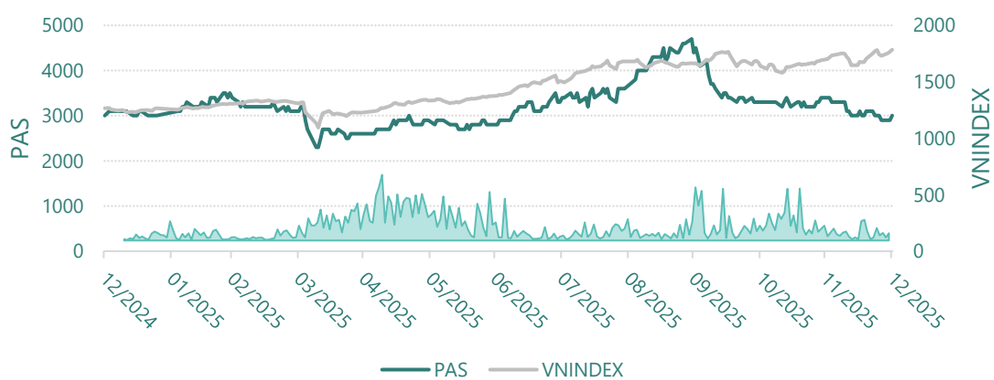
LN sau thuế
2025
13.3
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 9.08| 216%

Cơ cấu sở hữu

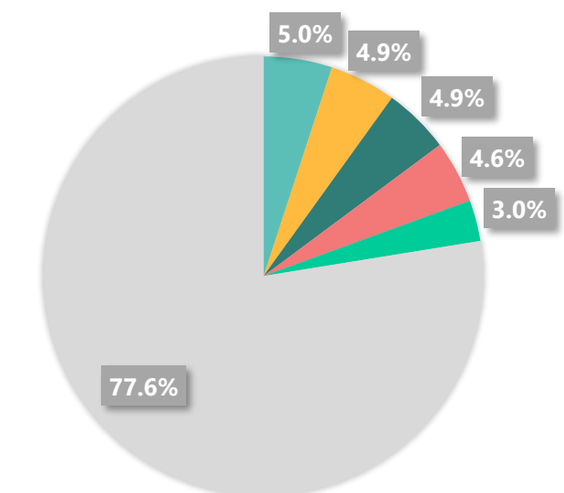


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



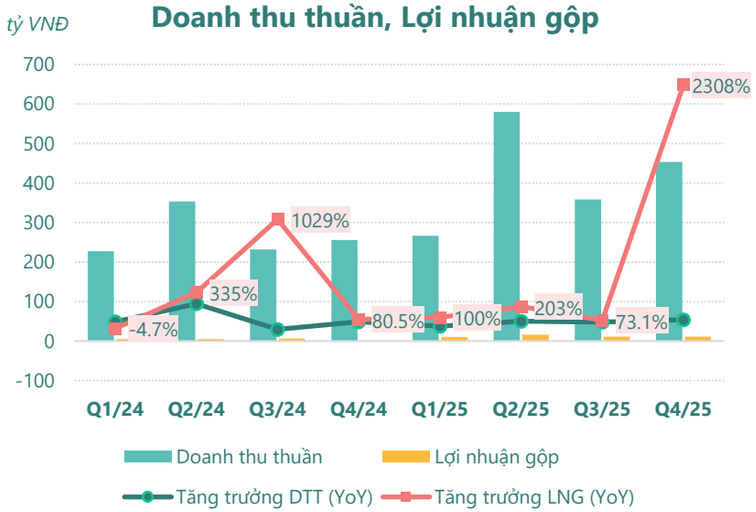
Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

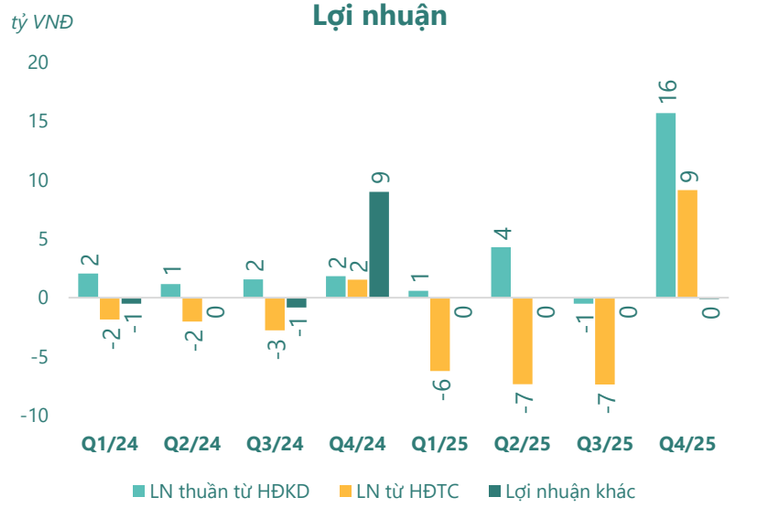
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



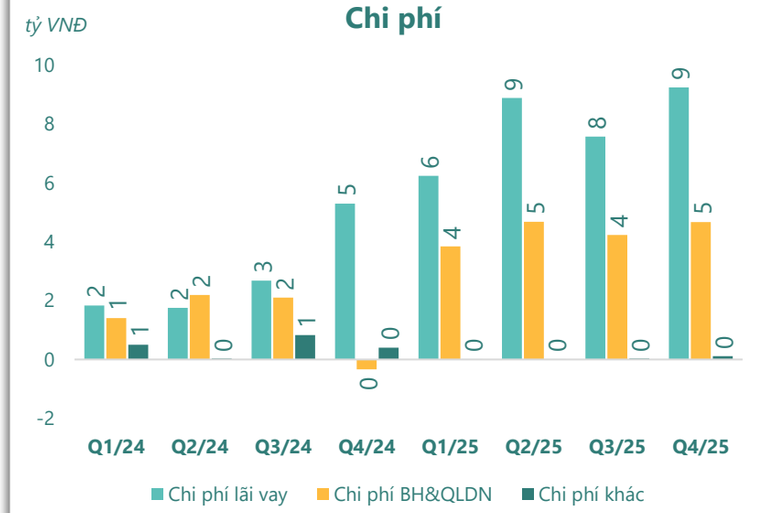
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



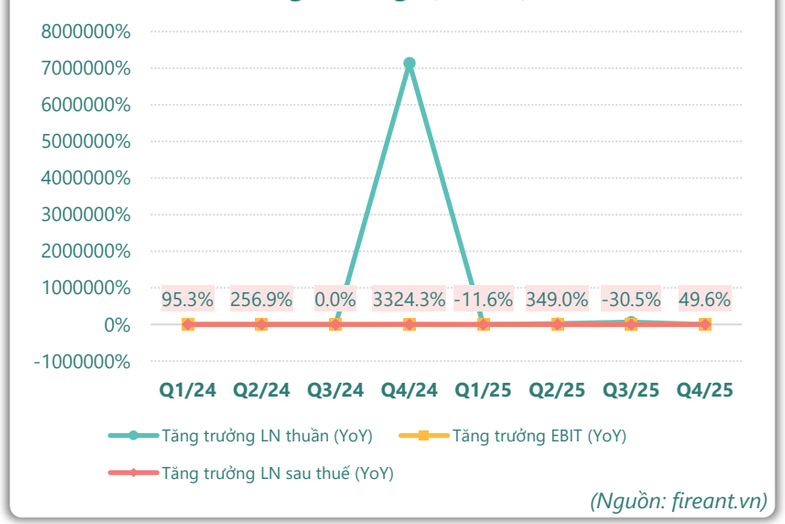
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



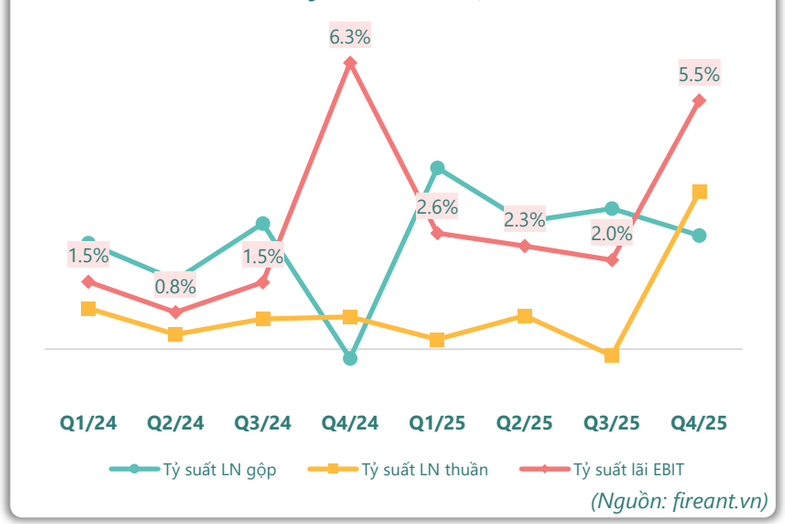
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



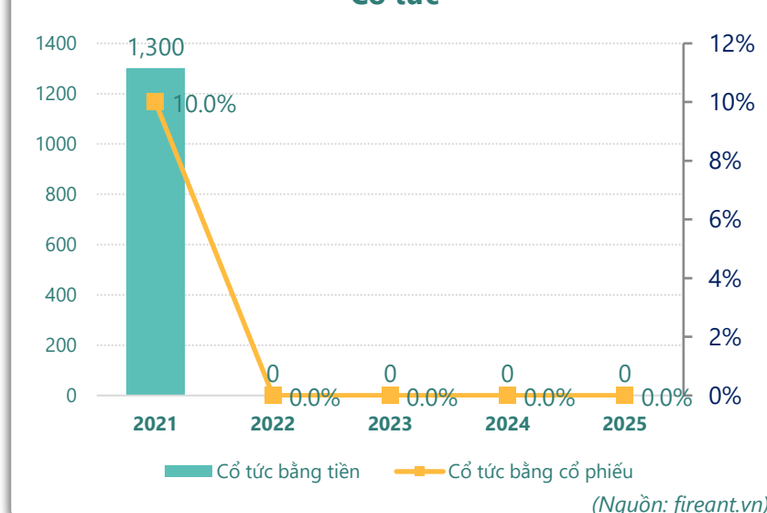
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

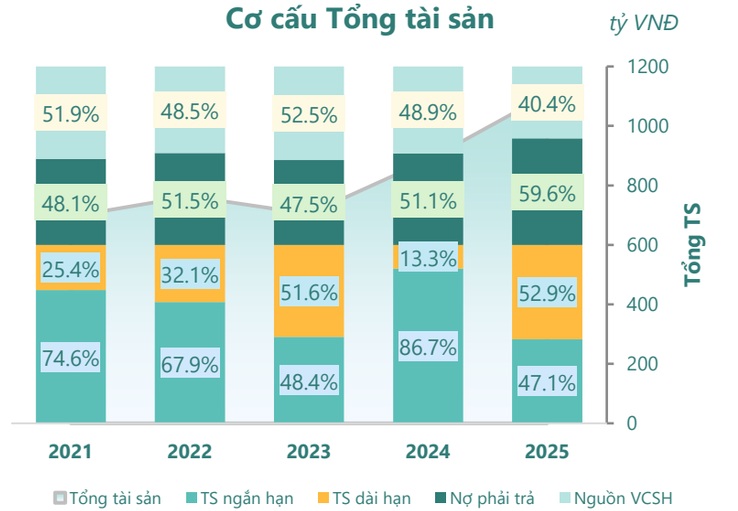
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

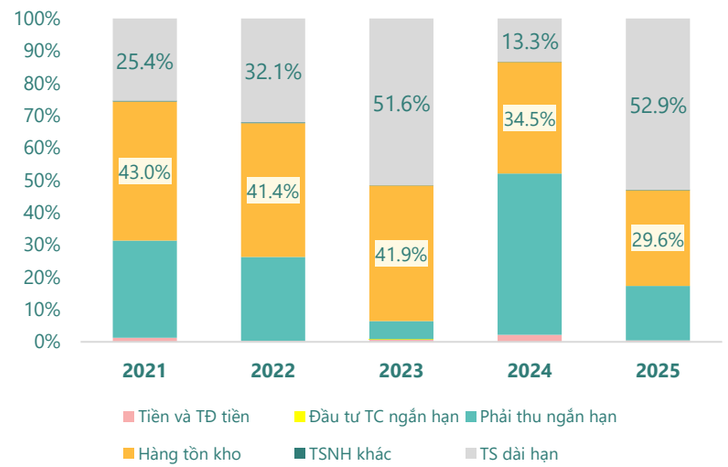
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



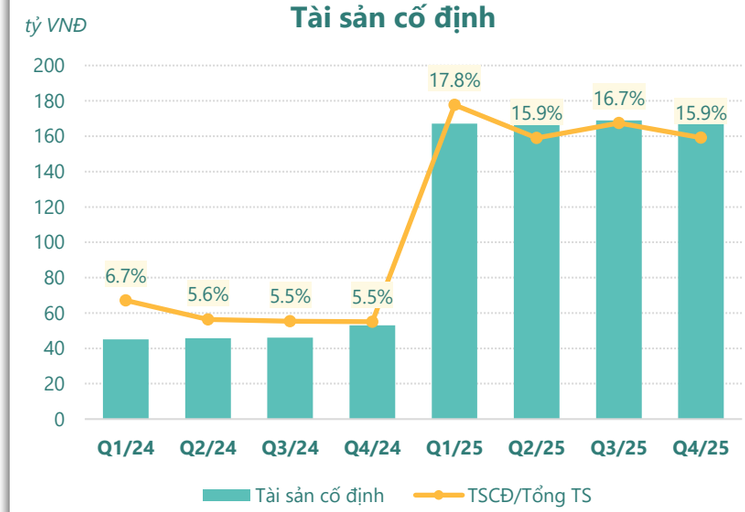
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



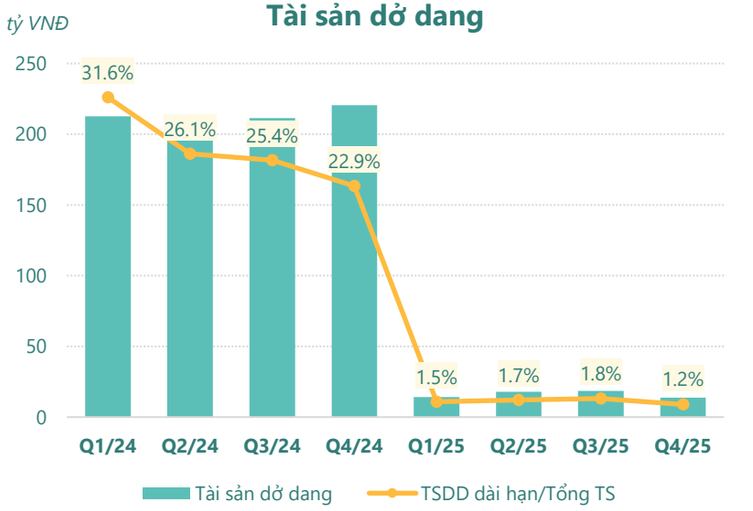
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



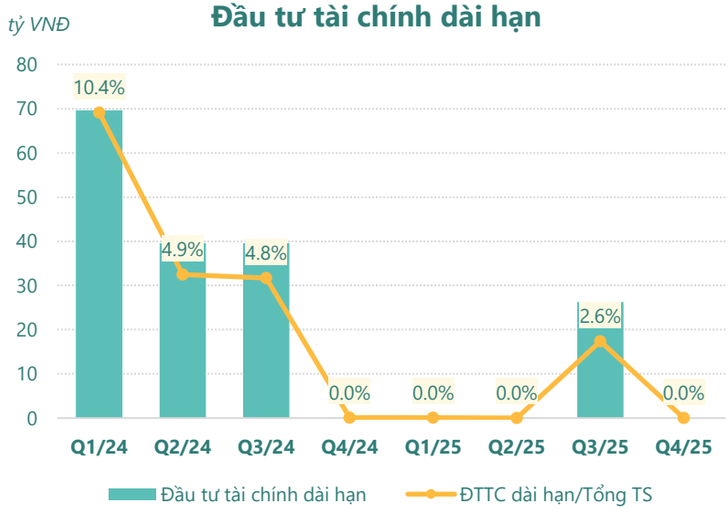
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



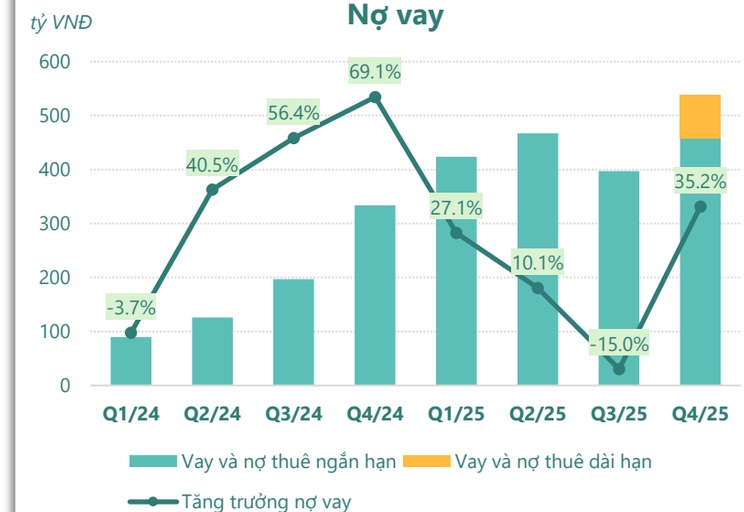
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

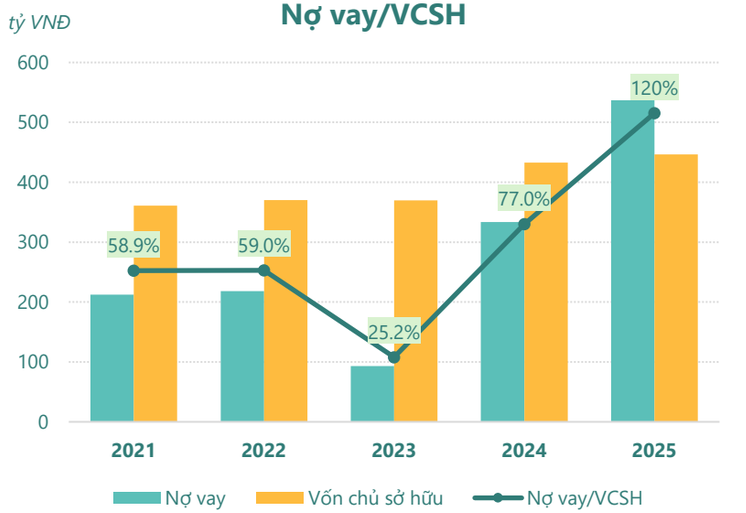
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

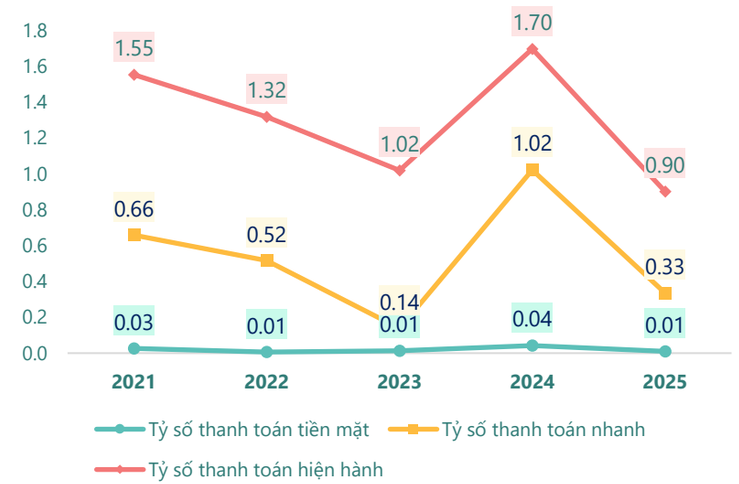
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



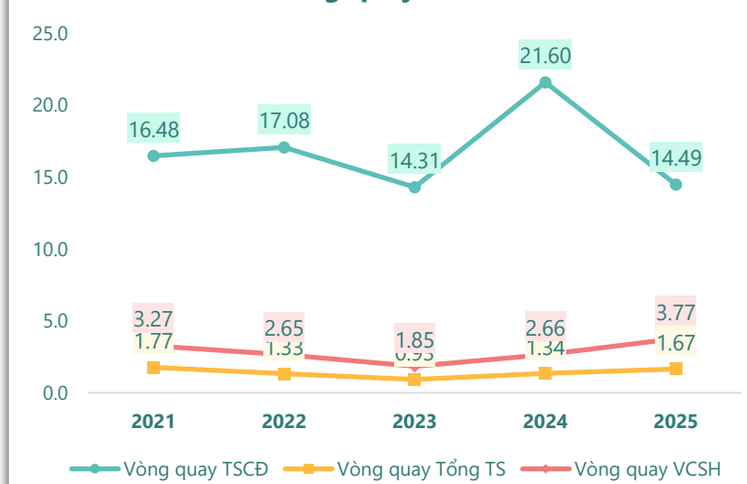
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



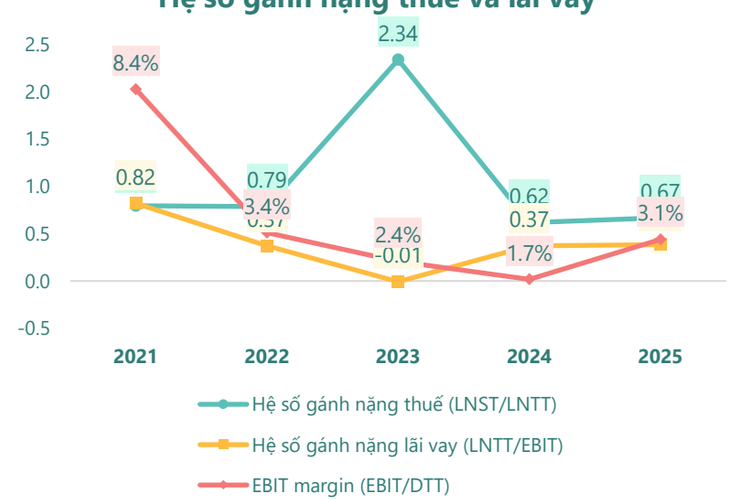
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



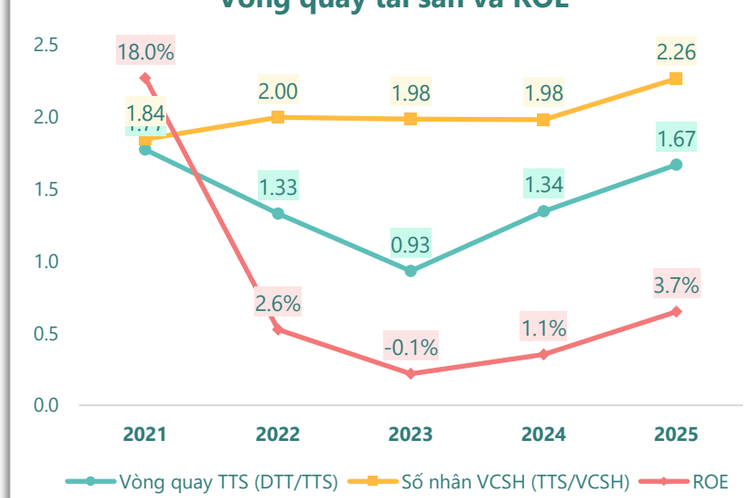
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



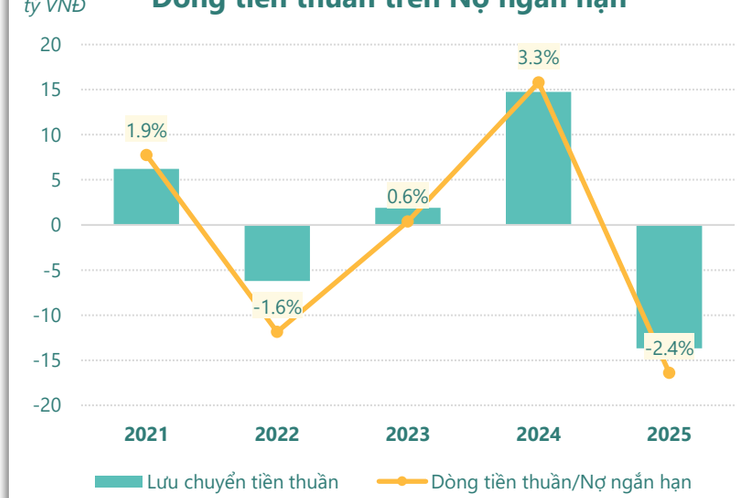
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q4/25	Q4/24	Thay đổi YoY	2025	2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**453**	**255**	**77.7%**	**1,658**	**1,068**	**55.2%**
Giá vốn hàng bán	442	256	72.6%	1,609	1,051	53.0%
Lợi nhuận gộp	11.4	-0.51	2327%	49.4	16.7	196%
Doanh thu HĐTC	18.2	0.14	12932%	20.7	9.03	130%
Chi phí TC	9.09	-1.38	759%	32.6	11.7	178%
Chi phí lãi vay	9.25	5.30	74.6%	32.0	11.6	176%
LN trong công ty LKLD	**-0.13**	**0.48**	**-127%**	**-0.13**	**0**	
Chi phí bán hàng	0.83	0.65	27.6%	2.98	2.37	25.4%
Chi phí QLDN	**3.85**	**-0.99**	**488%**	**14.5**	**3.00**	**382%**
LN thuần từ HĐKD	15.7	1.82	763%	20.1	8.60	133%
Lợi nhuận khác	**-0.11**	**9.00**	**-101%**	**-0.14**	**-1.76**	**92.0%**
LN trước thuế	15.6	10.8	44.4%	19.9	6.84	191%
Lợi nhuận sau thuế	**12.7**	**9.57**	**32.2%**	**13.3**	**4.22**	**216%**
LNST của CĐ cty mẹ	**13.4**	**9.76**	**37.7%**	**16.3**	**4.41**	**270%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ *(tỷ VNĐ)*	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-62.2	-199	-95.5	123	3.70	542
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-19.4	82.7	-5.52	-152	57.5	-282
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	71.1	141	90.5	42.9	-69.8	-269
Tiền đầu kỳ	12.1	1.71	19.1	8.51	22.6	14.0
Lưu chuyển tiền thuần	**-10.4**	**24.7**	**-10.5**	**14.1**	**-8.61**	**-8.64**
Ảnh hưởng tỷ giá	0.00	0.12	0	0.01	-0.01	0.00
Tiền cuối kỳ	1.71	26.5	8.51	22.6	14.0	5.37

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**1,105**	**885**	**24.9%**
Tài sản ngắn hạn	520	767	-32.1%
Tiền và tương đương tiền	5.37	19.1	-71.8%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	186	441	-57.8%
Hàng tồn kho	327	305	7.2%
Tài sản ngắn hạn khác	2.09	1.37	53.1%
Tài sản dài hạn	**585**	**118**	**395%**
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	176	53.1	231%
Bất động sản đầu tư	305	31.6	867%
Tài sản dở dang	13.8	11.4	20.7%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0.10	-100%
Tài sản dài hạn khác	**6.88**	**1.21**	**470%**
Lợi thế thương mại	82.9	20.7	301%
Nợ phải trả	659	452	45.8%
Nợ ngắn hạn	**577**	**452**	**27.8%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	457	333	37.2%
Phải trả người bán ngắn hạn	104	108	-4.0%
Nợ dài hạn	81.5	0.20	40069%
Vay và nợ thuê dài hạn	79.6	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**446**	**433**	**3.1%**
Vốn chủ sở hữu	**446**	**433**	**3.1%**
Vốn điều lệ	280	280	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)